

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ô, Lô B, đường N, Tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ô, Lô B, đường N, Tổ H, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ Minh Đ, sinh năm 1978; nơi thường trú: Khu phố A, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi tạm trú: Ô 46K1, Lô B, đường N, Tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ô, Lô B, đường N, Tổ H, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Vũ Minh Đại tự N chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157, Quyển số 02/2011, ngày 16 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên ghen tuông không có lý do, vô cớ. Bà L và ông Đ sống cùng với nhau nhưng không có tiếng nói chung, ông Đ không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Bà L nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ngô Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vũ Minh Đ.

Về con chung: Bà L và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Về cấp dưỡng: Bà L yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu D 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Vũ Minh Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà L về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, vẫn còn chung sống cùng với nhau. Ông Đ là người trực tiếp chăm lo cho gia đình. Vì vậy, ông Đ không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Đ và bà L có một con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2012. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D.

Về cấp dưỡng: Ông Đ không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh, Công chức Tư pháp xã B cấp như sau: Bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Vũ Minh Đ quá trình chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không có thông tin do ông bà không nhờ địa phương hoặc tổ chức đoàn thể can thiệp giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ngô Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là ông Nguyễn Vũ Minh Đ có nơi cư trú tại Ô, Lô B, đường N, Tổ A, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là Ô, Lô B, đường N, Tổ H, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ngô Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà L theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ Minh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L và ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157, Quyển số 02/2011, ngày 16 tháng 11 năm 2011 tại Ủy

ban nhân dân thị trấn M, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) theo nên hôn nhân của bà L và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm chăm sóc lẫn nhau, việc bà L và ông Đ là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình như vậy đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Đ không đồng ý ly hôn với bà L nhưng không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông Đ có một con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2012. Bà L có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy, cháu D đang sống ổn định với bà L và có nguyện vọng được sống cùng với bà L nên giao cháu D sống cùng với bà L là phù hợp nên yêu cầu về con chung của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà L yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu D 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Xét thấy, ông Đ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và mức yêu cầu cấp dưỡng của bà L là phù hợp với sinh hoạt cần thiết cho cháu D. Ông Đ cũng không có ý kiến về mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L nên yêu cầu về mức cấp dưỡng của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông Đ không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ Minh Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Minh Đ.

- Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2012 cho bà Ngô Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Vũ Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 09 tháng 7 năm 2012 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mỗi tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Vũ Minh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006338 ngày 14 tháng 4

năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157, Quyền số 02/2011, ngày 16-11-2011);
- Dương sự;
- Công Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có)
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy